TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **TỈNH THANH HÓA** *Số:43/2019/QĐST-HNGĐ*	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

C, ngày 11 tháng 4 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 37/2019/TLST-.HNGĐ, ngày 14 tháng 03 năm 2019, giữa:

Nguyên đơn: anh Phạm Ngọc T - Sinh năm: 1989

Địa chỉ: Thôn E, xã Q, huyện V, tỉnh Thanh Hóa

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị T - Sinh năm: 1992

Địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện C, Thanh Hóa.

Căn cứ vào điều 212; điều 213 và khoản 3, khoản 4 điều 147 - Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào các điều 54; 55; 58; 81; 82 và điều 83 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ khoản 6 điều 19; điểm a khoản 1 điều 24; khoản 7 điều 26; điểm a khoản 5 điều 27 - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành của các đương sự ngày 03 tháng 4 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03 tháng 4 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Phạm Ngọc T và chị Nguyễn Thị T

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về hôn nhân:* Anh Phạm Ngọc T và chị Nguyễn Thị T thỏa thuận thuận tình ly hôn.
- *Về con chung:* Vợ chồng thống nhất có 1 con chung là Phạm Ngọc Th – Sinh

ngày: 04/9/2016. Công nhận sự thỏa thuận về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung giữa anh T và chị T như sau:

Giao cháu Ngọc Th cho chị T nuôi dưỡng. Anh T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.000.000đ cho đến khi cháu Th đủ 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 5/2019, theo định kỳ hàng tháng.

Anh T có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

- *Về tài sản, công nợ:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- *Về án phí:* Anh T phải chịu 75.000đ án phí DSST và 150.000đ án phí về phần cấp dưỡng nuôi con chung. Chị T phải chịu 75.000đ án phí DSST. Anh T nhận nộp cả phần án phí cho chị T, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai số AA/2017/0003843, ngày 13/3/2019, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Anh T, chị T không phải nộp nữa.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện C
- Ban Tư pháp xã T
- TAND tỉnh Thanh hóa;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các cơ quan hữu quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Vũ Thị Dung